

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**

Bản án số: 200/2026/HSST
Ngày 15/4/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phương

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Việt Anh.

- Bà Nguyễn Thị Dứa – Giáo viên nghỉ hưu.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/TLST - HS ngày 10 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 24 ngày 16/3/2026, đối với:

I. Bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Tuấn D**, sinh năm 2000; Giới tính: Nam; HKTT: Thôn F, xã B, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Số A ngách A ngõ C X, phường X, Hà Nội; CCCD số: 008200006614; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Con ông: Phạm Đức Q, sinh năm 1980, con bà Hoàng Thị G, sinh năm 1980; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ con: Phạm Hồng T, sinh năm 2006, có 01 con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; theo D1 chỉ bản số 1354 do Công an Thành phố H lập ngày 23/10/2025.

Bị tạm giữ tạm giam từ ngày 23/8/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H. Có mặt.

2. Họ và tên: **Hoàng Văn Q1**, sinh năm 2003; Giới tính: Nam; HKTT và nơi cư trú: Thôn H M, xã B, tỉnh Tuyên Quang; CCCD số: 008203007370; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Con ông: Hoàng Văn L, sinh năm 1973, con bà Lý Thị Đ, sinh năm 1980; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; theo D1 chỉ bản số 1850 do Công an Thành phố H lập ngày 10/11/2025.

Bị tạm giữ tạm giam từ ngày 29/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H. Có mặt.

3. Họ và tên: **Đinh Tuấn A**, sinh ngày 25/4/2008; Giới tính: Nam; HKTT và nơi cư trú: Thôn K, xã B, tỉnh Tuyên Quang; CCCD số: 002208000459; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Không rõ, con bà Đinh Thị M, sinh năm 1972; Bị cáo là con duy nhất; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; theo D1 chỉ bản số 1354 do Công an Thành phố H lập ngày 02/10/2025.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.
Người đại diện theo pháp luật: Bà **Đinh Thị M**, sinh năm 1972. Vắng mặt.
Người được ủy quyền: Ông **Đặng Hữu P**, sinh năm 1972. Có mặt.
Đều trú tại: Thôn K, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

4. Họ và tên: **Bàn Anh Đ1**, sinh ngày 21/01/2009; Giới tính: Nam; HKTT và nơi cư trú: Thôn H M, xã B, tỉnh Tuyên Quang; CCCD số: 008209001201; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: không; Con ông: Bàn Văn T1, sinh năm 1982, con bà Triệu Thị T2, sinh năm 1984; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; theo D1 chỉ bản số 1581 do Công an Thành phố H lập ngày 10/11/2025.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.
Người đại diện theo pháp luật: Bà **Triệu Thị T2**, sinh năm 1984. Có mặt.
- Ông **Bàn Văn T1**, sinh năm 1982. Có mặt.
Đều trú tại: Thôn H M, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1: Bà **Nguyễn Minh T3** – Trợ giúp viên pháp lý nhà nước số 3- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố H. Có mặt.

- Người làm công tác xã hội được cử tham gia phiên tòa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1: Bà **Nông Hồng N** – Công chức phòng văn hóa xã hội UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

II. Bị hại:

1. Anh **Nguyễn Giang N1**, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu Ong, xã Hương Càn, tỉnh Phú Thọ

2. Anh **Phạm Quang N2**, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã C, Thành phố Hà Nội.

3. Anh **Nghiêm Văn M1**, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Số B ngõ A, Y, phường H, Thành phố Hà Nội.

4. Anh **Nguyễn Đình T4**, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Nơi cư trú: 28 ngõ A đường H, H, Thành phố Hải Phòng.

5. Anh **Nguyễn Văn T5**, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, xã L, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội truy tố:

Khoảng đầu tháng 08/2025, Phạm Tuấn D nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức môi giới việc làm. Sau đó D vào mạng xã hội facebook tạo một tài khoản và đặt tên là “Quý Triệu” và dùng tài khoản này đăng bài vào các hội nhóm về xây dựng với nội dung Doanh có trung tâm tuyển dụng lao động, nếu ai cần tuyển lao động thì liên hệ với D thông qua “zalo” lập trên số điện thoại “0363608500”. Doanh sẽ trao đổi thông tin về lao động, chi phí môi giới lao động và hẹn địa chỉ để cho lao động đến làm việc.

Để thực hiện hành vi Doanh đã rủ và yêu cầu Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1, Hoàng Văn Q1 và Hoàng Văn T6 (sinh năm: 2001, HKTT: thôn B, xã B, tỉnh Tuyên Quang) khi có người hỏi tuyển lao động thì D sẽ cho các đồng phạm giả làm lao động đến gặp người bị hại để nhận việc làm. Khi người bị hại chuyển khoản trả cho D tiền môi giới lao động là 1.000.000 đồng/01 người và chuyển tiền xe ôm (thường là 200.000 đồng) thì D sẽ báo cho các đồng phạm của D biết và các đồng phạm sẽ trốn khỏi chỗ làm việc. Như vậy, D và các đồng phạm sẽ chiếm đoạt được tiền phí môi giới lao động của các bị hại. Sau đó D sẽ chia cho các đồng phạm giả người lao động là 500.000 đồng/01 người/01 vụ việc trót lọt.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định Phạm Tuấn D, Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1, Hoàng Văn Q1 thực hiện 06 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 16/8/2025, anh Nguyễn Giang N1 (sinh năm: 1993, HKTT: khu O, xã H, tỉnh Phú Thọ - là chủ thầu xây dựng) đọc được bài đăng trong nhóm “Hội xây dựng Hà Nội” trên facebook với nội dung ai có nhu cầu thuê lao động thì liên hệ người đăng bài. Anh N1 liền dùng zalo kết bạn với số điện thoại “0363608500” của D để trao đổi về nội dung tuyển dụng lao động thì D thỏa thuận là sẽ cung cấp cho anh N1 01 lao động với phí môi giới là 1.000.000đ/người và tiền chi phí xe ôm đưa người lao động đến địa chỉ G A, phường H, thành phố Hà Nội là 150.000 đồng. Thanh toán tiền vào số tài khoản 899886368888 mang tên Phạm Tuấn D mở tại ngân hàng M3. Sau đó D làm xe ôm chở Hoàng Văn Q1 đến địa chỉ trên để nhận việc làm. Sau khi Q1 đến nhận việc, anh N1 đã tin tưởng và chuyển số tiền 1.150.000 đồng vào số tài khoản 899886368888 của Phạm Tuấn D mở tại ngân hàng M3. Sau khi nhận được tiền D liền báo cho Q1 biết, lợi dụng lúc mọi người không để ý thì Q1 bỏ về. Sau đó D đã chia cho Q1 số tiền 500.000 đồng.

Vụ thứ hai: cùng với phương thức và thủ đoạn như trên, ngày 19/8/2025, D đã chỉ đạo Q1, Đ1, Tuấn A giả làm người lao động và đến địa chỉ số C N, xã T, thành phố Hà Nội gặp anh Nguyễn Văn T5 (sinh năm: 1981, HKTT: TDP Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên) để làm việc. Khi Q1, Đ1, Tuấn A đến gặp anh T5 để nhận việc làm thì anh T5 đã tin tưởng và chuyển phí môi giới là 3.000.000 đồng vào tài khoản số 0332999093 tại ngân hàng M3 mang tên Hoàng Quốc Đ2 theo yêu

cầu của D. Sau khi nhận được tiền, D đã thông báo để Tuấn A, Đ1, Q1 trốn khỏi địa chỉ trên.

Vụ thứ ba: Cũng trong ngày 19/8/2025, D đã chỉ đạo Q1, Đ1, Tuấn A đi đến địa chỉ ở đường P, phường D, thành phố Hà Nội để gặp anh Phạm Quang N2 (sinh năm: 1980, HKTT: thôn P, xã C, thành phố Hà Nội) xin làm lao động. Khi gặp nhau anh N2 đã tin tưởng và chuyển tiền phí môi giới cho 3 người là 3.500.000 đồng (bao gồm: 3.000.000 đồng tiền phí môi giới cho 3 người và 500.000 đồng tiền taxi) vào tài khoản số 0332999093 tại ngân hàng M3 mang tên Hoàng Quốc Đ2. Khi nhận được tiền xong thì D thông báo cho Tuấn A, Đ1, Q1 trốn khỏi địa chỉ trên.

Trong ngày 19/8/2025, D đã chia cho Tuấn A, Đ1, Q1 mỗi người 1.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: ngày 20/8/2025, sau khi thỏa thuận lừa bị hại xong D bảo Đ1 và Tuấn A đến địa chỉ số D B, phường B, thành phố Hà Nội gặp anh Nghiêm Văn M1 (sinh năm 1976, HKTT: thôn P, xã G, tỉnh Bắc Ninh) để giả làm lao động. Anh M2 đã cho Đ1 và Tuấn A 200.000 đồng tiền ăn và chuyển ứng trước tiền phí môi giới lao động vào tài khoản số 0332999093 tại ngân hàng M3 mang tên Hoàng Quốc Đ2 với số tiền 1.500.000 đồng. Sau khi D nhận được tiền, Đ1 và Tuấn A đã trốn khỏi địa chỉ trên.

Vụ thứ năm: sáng ngày 22/8/2025, D bảo Tuấn A đến số A ngõ T, phố K, phường V - Q, thành phố Hà Nội gặp anh Nguyễn Đình T4 (sinh năm: 1977, HKTT: 28 ngõ A, đường H, H, Hải Phòng) để giả làm lao động. Khi anh T4 chuyển 1.200.000 đồng vào số tài khoản 8998863688888 mang tên Phạm Tuấn D tại ngân hàng M3 thì D bảo Tuấn A đã trốn khỏi địa chỉ trên. D đã chia cho Tuấn A 500.000 đồng.

Vụ thứ sáu: chiều ngày 22/8/2025, anh Nghiêm Văn M1 vào mạng xã hội để tiếp tục thuê người lao động, do anh M1 dùng số điện thoại khác để nhắn tin với tài khoản “Triệu Quý” của D nên sau khi thỏa thuận về việc cung cấp lao động, D liền bảo Tuấn A đi đến nhận việc của anh M1 tại địa chỉ số C Y, Y, Hà Nội. Khi Tuấn A đến nhận việc thì anh M1 nhận ra Tuấn A là một trong hai lao động đã đến nhận việc và lừa đảo anh M1 vào ngày 20/8/2022 nên anh M1 đã trình báo cơ quan công an. Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 10.350.000 đồng.

Cùng ngày, Phạm Tuấn D đã đến Công an phường Y để đầu thú về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của D và các đồng phạm.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- Thu giữ của Phạm Tuấn D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, số I: 356802112956692.

- Thu giữ của Đình Tuấn A: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M20, số Imei 1: 354556102116376, Imei 2: 354556102116374.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Tuấn D, Đình Tuấn A, Bàn Anh Đ1, Hoàng Văn Q1 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và phù hợp với lời khai của các bị hại là các anh Nguyễn Giang N1, Nguyễn Văn T5, Nghiêm Văn M1, và Nguyễn Đình T4 và các tài liệu đã thu thập được.

Đối với số tài khoản 0332999093 mở tại ngân hàng M3 mang tên Hoàng Quốc Đ2, quá trình điều tra xác định chủ tài khoản là Hoàng Quốc Đ2 (sinh năm: 2009, HKTT: Thôn H, Minh T7, xã B, tỉnh Tuyên Quang), Đ2 là bạn của Bàn Anh Đ1. Đ2 khai khoảng cuối tháng 8/2025, Đ1 đã liên hệ nhờ Đ2 cho Đ1 mượn số tài khoản để nhận tiền do Đ1 không có tài khoản ngân hàng. Sau khi Đ2 nhận được tiền vào tài khoản thì Đ1 bảo Đ2 chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng khác do Đ1 cung cấp. Do Đ2 không biết nguồn gốc các số tiền chuyển đến tài khoản của mình và Đ2 không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của Đ1 do đó Cơ quan điều tra không xử lý.

Ngoài 06 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã xác định được bị hại nêu trên, các bị can còn khai nhận đã thực hiện nhiều vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản với cùng thủ đoạn như trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H đã tiến hành đăng báo An ninh thủ đô để tìm các bị hại của vụ án. Đến ngày 15/11/2025 do chưa có thêm bị hại trình báo nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để điều tra làm rõ.

Đối với Hoàng Văn T6 đã khai giả làm lao động 04 vụ lừa đảo vào các ngày 04,05/8/2025 nhưng do T6 không nhớ được địa điểm phạm tội, hiện không xác định được người bị hại do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H chưa đủ căn cứ xác định T6 đồng phạm với D về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ngày 15/11/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H ra Quyết định tách hành vi và tài liệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Hoàng Văn T6 và những lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác của Phạm Tuấn D và đồng phạm để tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình các bị can Doanh, Tuấn A, Đ1 đã tự nguyện khắc phục toàn bộ số tiền các bị can chiếm đoạt của các bị hại gồm: anh Nguyễn Giang N1 đã nhận lại số tiền 1.150.000 đồng, anh Nguyễn Văn T5 đã nhận lại số tiền 3.000.000 đồng, anh Nghiêm Văn M1 đã nhận lại số tiền 1.700.000 đồng, anh Nguyễn Đình T4 đã nhận lại số tiền 1.200.000 đồng. Các bị hại đều không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với 02 chiếc điện thoại đã thu giữ của D và Tuấn A là các công cụ, phương tiện các bị can dung vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, thành phố Hà Nội để chờ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 đã ban hành Cáo trạng số 45 truy tố các bị can Phạm Tuấn Doanh, Hoàng Văn Q1, Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1 phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong quá trình truy tố, Viện kiểm sát đã nhiều lần triệu tập Hoàng Văn Q1 để giao nhận Cáo trạng nhưng bị can Q1 vắng mặt không có lý do chính đáng. Xác minh tại nơi cư trú xác định bị can Hoàng Văn Q1 vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ đi đâu, làm gì, do đó Viện kiểm sát đã ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Cơ quan điều tra để xác minh, truy tìm Hoàng Văn Q1. Qua xác minh, Q1 bỏ trốn khỏi địa phương để trốn tránh sự triệu tập của các cơ quan tiến hành tố tụng. Ngày 29/01/2026, Cơ quan Cảnh

sát điều tra – Công an thành phố H đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Hoàng Văn Q1.

Tại bản cáo trạng số 225/CT-VKS-HM, ngày 06/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Phạm Tuấn D, Hoàng Văn Q1, Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

[2] Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Tuấn D, Hoàng Văn Q1, Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về gia đình và hòa nhập xã hội.

Người đại diện theo pháp luật; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị cáo Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1 cũng thừa nhận việc truy tố và đưa các bị cáo ra xét xử về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường và khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo Đinh Tuấn A thuộc vùng kinh tế khó khăn, bị cáo Bàn Anh Đ1 là người dân tộc thiểu số và đều thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị cho các bị cáo Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1 được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội và đề nghị cho các bị cáo được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kiểm sát viên nắm quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như Bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá tích chất, mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên @Ồ nghP Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 đối với bị cáo Phạm Tuấn D. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 - 18 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; thời gian tính từ ngày 23/8/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 đối với bị cáo Hoàng Văn Q1. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 -15 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; thời gian tính từ ngày 29/01/2026.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 17; khoản 6 Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101

Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Đối với bị cáo Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Đinh Tuấn A và Bàn Anh Đ1 từ 06 - 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 – 24 tháng về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời gian tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã được bồi thường và không có yêu cầu gì nên không xét.

Về tang vật vụ án: Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone màu đen thu giữ của P1; 01 điện thoại Samsung thu giữ của Đinh Tuấn A.

[3] Phần tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo, người đại diện theo pháp luật, người bào chữa; thừa nhận Kiểm sát viên luận tội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng người đúng tội, đúng pháp luật, nên không tranh luận với Kiểm sát viên.

[4] Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi vi phạm bị truy tố:

Tại các bản tường trình, biên bản lấy lời khai của các bị cáo; Lời khai của các bị hại; lời khai người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác thể hiện:

Khoảng đầu tháng 08/2025, Phạm Tuấn D do cần tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức môi giới việc làm. Sau đó D vào mạng xã hội facebook tạo một tài khoản và đặt tên là “Quý Triệu” và dùng tài khoản này đăng bài vào các hội nhóm về xây dựng với nội dung Doanh có trung tâm tuyển dụng lao động, nếu ai cần tuyển lao động thì liên hệ với D thông qua “zalo” lập trên số điện thoại “0363608500”. Doanh sẽ trao đổi thông tin về lao động, chi phí môi giới lao động và hẹn địa chỉ để cho lao động đến làm việc. Để thực hiện hành vi trên D đã rủ và yêu cầu Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1, Hoàng Văn Q1 và Hoàng Văn T6 (sinh năm: 2001, HKTT: thôn B, xã B, tỉnh Tuyên Quang) khi có người hỏi tuyển lao động thì D sẽ cho các đồng phạm giả làm lao động đến gặp người bị hại để nhận người làm. Khi người bị hại chuyển khoản trả

cho D tiền môi giới lao động là 1.000.000 đồng/01 người và chuyển tiền xe ôm (thường là 200.000 đồng) thì D sẽ báo cho các đồng phạm của D biết và các đồng phạm sẽ trốn khỏi chỗ làm việc. Với thủ đoạn trên D và các đồng phạm sẽ chiếm đoạt được tiền phí môi giới lao động của các bị hại. Sau đó D sẽ chia cho các đồng phạm giả người lao động là 500.000 đồng/01 người/01 vụ việc trót lọt.

Như vậy từ đầu tháng 8/2025 đến ngày 22/8/2025, Phạm Tuấn D cùng Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1, Hoàng Văn Q1 đã 06 lần giả làm người lao động để tạo niềm tin cho người cần thuê lao động nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản và đã 05 lần chiếm đoạt được tiền của các bị hại, cụ thể như sau:

Ngày 16/8/2025 tại số G A, phường H, thành phố Hà Nội Hoàng Văn Q1 đã giả làm người lao động để gặp anh Nguyễn Giang N1 và lừa đảo chiếm đoạt của anh N1 số tiền 1.150.000 đồng.

Ngày 19/8/2025, tại số C N, xã T, thành phố Hà Nội, Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1, Hoàng Văn Q1 đã giả làm người lao động để gặp anh Nguyễn Văn T5 và lừa đảo chiếm đoạt của anh T5 số tiền 3.000.000 đồng.

Cùng ngày 19/8/2025 tại đường P, phường D, thành phố Hà Nội, Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1, Hoàng Văn Q1 đã giả làm người lao động gặp anh Phạm Quang N2 và lừa đảo chiếm đoạt của anh N2 số tiền 3.500.000 đồng.

Ngày 20/8/2025 tại số 459 B, phường B, thành phố Hà Nội, Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1 đã gặp anh Nghiêm Văn M1 giả làm người lao động và chiếm đoạt của anh M1 số tiền 1.500.000 đồng.

Sáng ngày 22/8/2025 tại số A ngõ T, phố K, phường V - Q, thành phố Hà Nội, Đinh Tuấn A đã gặp anh Nguyễn Đình T4 giả làm người lao động và lừa đảo chiếm đoạt của anh T4 số tiền 1.200.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo Phạm Tuấn D, Hoàng Văn Q1, Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1 đã lừa đảo chiếm đoạt được là 10.350.000 đồng (Mười triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của các bị cáo Phạm Tuấn D, Hoàng Văn Q1, Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất, mức độ rất nguy hiểm cho xã hội. Xác định hành vi của các bị cáo là tội phạm ít nghiêm trọng, tài sản các bị cáo lừa đảo chiếm đoạt là không lớn có tổng số tiền là 10.350.000 đồng, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội bằng thủ đoạn tinh vi, ý thức chiếm đoạt tài sản đã nảy sinh trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo lên kế hoạch rõ ràng, thực hiện với lỗi cố ý nhằm mục đích chiếm đoạt bằng được tài sản của người khác; thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần phải xử lý các bị cáo nghiêm bằng pháp luật hình sự và áp dụng mức hình phạt tù tương xứng đối với hành vi phạm tội

của các bị cáo, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Phạm Tuấn D, Hoàng Văn Q1, Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1 phạm tội lần đầu, trước khi phạm tội lần này nhân thân chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều nhận tội và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Các bị cáo Phạm Tuấn D, Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1 được hưởng tình tiết đã bồi thường thiệt hại theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phạm Tuấn D được hưởng thêm tình tiết đầu thú; bị cáo Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1 là người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý nhà nước nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo Phạm Tuấn D, Hoàng Văn Q1, Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1 đều phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Bị cáo Phạm Tuấn D xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội nên áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo hưởng lợi ngang nhau, phạm tội tự phát nên là đồng phạm giản đơn theo khoản 1 Điều 17 BLHS. Trong đó bị cáo Phạm Tuấn D là người lập tài khoản facebook là người chủ mưu nên giữ vai trò vị trí thứ nhất, Hoàng Văn Q1; Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1 là người giúp sức nên có vai trò ngang nhau và có vị trí thứ 2 trong vụ án.

- Bị cáo Đinh Tuấn A: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo được 17 tuổi 03 tháng 25 ngày.

- Bị cáo Bàn Anh Đ1: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo được 16 tuổi 6 tháng 29 ngày.

* *Các bị cáo **Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1** khi quyết định hình phạt tù có thời hạn được áp dụng khoản 1 Điều 101 BLHS, được áp dụng không quá $\frac{3}{4}$ mức phạt tù mà điều luật quy định.*

Xét các bị cáo Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 65 BLHS đối với các bị cáo.

Xét các bị cáo không làm công việc và thu nhập ổn định, do vậy không áp dụng thêm khoản 5 điều 174 Bộ luật hình sự.

[4] Biện pháp tư pháp: Đối với 01 điện thoại Iphone màu đen thu giữ của P1; 01 điện thoại Samsung thu giữ của Đinh Tuấn A là tang vật của vụ án liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[5] Các vấn đề khác: Về trách nhiệm dân sự các bị hại đã được bồi thường, khắc phục hậu quả và không có yêu cầu gì, nên không xét.

Đối với số tài khoản 0332999093 mở tại ngân hàng M3 mang tên Hoàng Quốc Đ2, quá trình điều tra xác định chủ tài khoản là Hoàng Quốc Đ2 (sinh năm: 2009, HKTT: Thôn H, Minh T7, xã B, tỉnh Tuyên Quang), là bạn của Bàn Anh Đ1. Đ1 đã liên hệ nhờ Đ2 cho Đ1 mượn số tài khoản để nhận tiền do Đ1 không có tài khoản ngân hàng. Sau khi Đ2 nhận được tiền vào tài khoản thì Đ1 bảo Đ2 chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng khác do Đ1 cung cấp. Do Đ2 không biết nguồn gốc của số tiền chuyển đến tài khoản của mình là tiền do phạm tội mà có và không được hưởng lợi, Cơ quan điều tra không xử lý, là có căn cứ.

Đối với Hoàng Văn T6 đã khai giả làm lao động 04 vụ lừa đảo vào các ngày 04,05/8/2025 nhưng do T6 không nhớ được địa điểm phạm tội, hiện không xác định được người bị hại, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H chưa đủ căn cứ xác định T6 đồng phạm với D về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H ra Quyết định tách hành vi và tài liệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Hoàng Văn T6 và những lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác của Phạm Tuấn D và đồng phạm để tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý, là có căn cứ.

[6] Án phí: Bị cáo Phạm Tuấn D, Hoàng Văn Q1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1 không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện theo pháp luật, người bào chữa, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 174; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 áp dụng đối với bị cáo Phạm Tuấn D.

Khoản 1 Điều 174; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 áp dụng đối với bị cáo Hoàng Văn Q1.

Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 17; khoản 6 Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; áp dụng đối với bị cáo Đinh Tuấn A, Bàn Anh Đ1. Áp dụng thêm khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Tuấn A.

Khoản 3 Điều 106, 136, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt:

- Bị cáo **Phạm Tuấn D** 14 (Mười bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 23/8/2025.

- Bị cáo **Hoàng Văn Q1** 9 (C) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 29/01/2026.

- Bị cáo **Đình Tuấn A** 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng; thời gian tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Bị cáo **Bàn Anh Đ1** 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng; thời gian tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Giao bị cáo Đình Tuấn A, bị cáo Bàn Anh Đ1 cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không xét.

2. Biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone màu đen, Imei: 356802112956692 thu giữ của P1; 01 điện thoại Samsung Galaxy M20, Imei1: 354556102116376, Imei2: 354557102116374 thu giữ của Đình Tuấn A. Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 2026/KV3-260, ngày 12/3/2026.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Tuấn D, Hoàng Văn Q1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đình Tuấn A, Bàn Anh Đ1 không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện theo pháp luật, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3;
- Công an TP. Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- UBND xã Bình Xa, tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Người đại diện theo pháp luật;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Phương